wàng wǒ

忘我

adjective · selfless; oblivious of oneself

Example Sentences

Tā gōng zuò qǐ lai hěn wàng wǒ
他 工 作起来很 忘 我。

He works very selflessly.

Tā wàng wǒ de tóu rù dào le jiù yuán xíng dòng zhōng
她 忘 我地投入到了救 援 行 动 中 。

She selflessly threw herself into the rescue operation.

zhè zhǒng wàng wǒ de jīng shén zhí dé wǒ men xué xí
这 种 忘 我的精 神 值得我 们 学 习。

This kind of selfless spirit is worth learning from.

Trace each character, then write the word on your own.